

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi
thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về
sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026; Báo cáo
thẩm tra số.../BC-HĐND ngày...tháng...năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Nghị quyết ban hành Quy
định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh
Ninh Bình năm 2026.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức phân
bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình Khoá,
Kỳ họp thứ (Kỳ họp) thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu
lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực
thi hành:

a) Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành quy định định mức phân bổ dự
toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Hà Nam;

b) Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam sửa đổi Nghị quyết 10/2021/NQ-HĐND và
11/2021/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm
theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 và Nghị

quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam.

c) Nghị quyết số 54/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về định mức, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025;

d) Nghị quyết số 113/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2022;

đ) Nghị quyết số 95/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi Quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2022 kèm theo Nghị quyết 113/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình;

e) Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2022 kèm theo Nghị quyết 113/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết 95/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND; UB MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ban Thường vụ các Đảng ủy xã, phường;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Website Chính phủ; Công báo tỉnh;
- Báo và Đài PT-TH Ninh Bình;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình *(bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã)*.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- a) Các Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh; xã, phường;
- b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026 là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và dự toán chi ngân sách cấp xã.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026 chỉ để xác định tổng mức chi thường xuyên của các xã, phường. Các xã, phường căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên để phân bổ chi thường xuyên cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo chi tiết sự nghiệp giáo dục, đào tạo - dạy nghề, sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không thấp hơn dự toán do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Dự toán chi thường xuyên những năm tiếp theo trong giai đoạn 2026-2030 được điều chỉnh tăng, giảm theo hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nguồn thu ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng; hoạt động của các cơ quan quản lý hành

chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được do Trung ương (ngân sách Trung ương đảm bảo) và tỉnh ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026. Các nội dung được cấp có thẩm quyền quy định về định mức chi riêng trước thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này (nếu có) thì các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã chủ động chi từ định mức chi theo biên chế và định mức chi theo dân số.

5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch trong phương án phân bổ ngân sách; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2026; phân cấp tối đa cho ngân sách cấp xã, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của 02 cấp chính quyền, đồng thời tạo điều kiện và động lực để sở, ban ngành, đơn vị dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường tính tự chủ, chủ động quyết định ngân sách của mình, khuyến khích tăng cường công tác quản lý tài chính, phân đầu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng ngân sách hiệu quả; trong đó:

- Tiêu chí dân số làm căn cứ để xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách là dân số được xác định theo số liệu do Thống kê tỉnh cung cấp.

- Tiêu chí biên chế: Căn cứ số lượng cán bộ, biên chế công chức, người làm việc (viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo theo quy định hiện hành. Đối với các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh, căn cứ vào số lượng, chức danh theo quy định hiện hành.

6. Định mức phân bổ chi thường xuyên tại quy định này:

- Đã bao gồm:

- + Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; làm thêm giờ; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; chi ứng dụng công nghệ thông tin; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác đảng, Mặt trận Tổ quốc trong cơ quan và các nội dung chi hoạt động mang tính chất thường xuyên khác.

- + Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi xây dựng, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát; kinh phí thường xuyên ban tiếp dân; kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách hành chính, kinh phí tiếp dân xử lý đơn thư, chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ; xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa

văn bản quy phạm pháp luật và các nội dung chi hoạt động mang tính chất thường xuyên khác.

+ Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định.

+ Kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng, bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

- Không bao gồm:

+ *Đối với cơ quan, đơn vị cấp tỉnh*: Tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định; Các khoản chi hoạt động đặc thù của cơ quan đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành: kinh phí đối ứng các dự án, thuê trụ sở, tổ chức đại hội, hoạt động của các Ban chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành; Mua sắm tài sản cố định có số lượng lớn hoặc giá trị lớn, nâng cấp cơ sở vật chất quy mô lớn. Chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của từng đơn vị và các khoản phát sinh không thường xuyên khác theo quy định. Chi thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án, nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao và chi nghiệp vụ toàn ngành.

+ *Đối với ngân sách cấp xã*: Tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định; Chi thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án, nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

7. Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (các hội không được cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế) được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

8. Phân bổ dự toán chi các lĩnh vực chi sự nghiệp:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không bố trí chi thường xuyên.

Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước bố trí một phần chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp theo quy định.

- Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ tại quy định này.

9. Căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tại Nghị quyết này, dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước được

cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc tỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc để làm cơ sở tổ chức thực hiện, bảo đảm khớp đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của từng đơn vị trực thuộc, thực hiện công khai, minh bạch và theo đúng các quy định của pháp luật.

10. Trong quá trình phân bổ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước, thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường phải quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

Chương II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Điều 4. Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên

Đơn vị: Đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ năm 2026
1	Cơ quan nhà nước, Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
	Từ 100 biên chế trở lên	43.000.000
	Dưới 100 biên chế	45.000.000
2	Cơ quan khối Đảng	51.000.000
3	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	Áp dụng định mức như đối với cơ quan quản lý nhà nước có bậc biên chế tương ứng
4	Các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc các Sở, Ban, ngành	90% mức quy định của cơ quan quản lý nhà nước có

		bậc biên chế tương ứng
5	Các hội quần chúng được đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được giao chỉ tiêu biên chế	Áp dụng định mức như đối với cơ quan quản lý nhà nước có bậc biên chế tương ứng

c) Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (các hội không được cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế) được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung để thực hiện các hoạt động, các nhiệm vụ đặc thù và các nhiệm vụ khác

- Kinh phí chi cho các đối tượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ: chi tiền lương, phụ cấp; các khoản đóng góp theo quy định cho các đối tượng hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao (nếu có).

- Chi các nhiệm vụ đặc thù mang tính chất riêng biệt của từng đơn vị và các khoản phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Chi thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên: 34.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và các nhiệm vụ khác:

- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách: chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ học bổng, hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật; chính sách hỗ trợ đối với học sinh dân tộc thiểu số rất ít người; chính sách ưu đãi đối với giáo viên giảng dạy người khuyết tật theo các quy định hiện hành (nếu có); hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ;...

- Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với các trường trung học phổ thông chuyên: Chi học bổng khuyến khích học tập, hỗ trợ sinh hoạt phí; đào tạo, tập huấn học sinh thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế và các nhiệm vụ khác theo các quy định hiện hành.

- Kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách, như: kinh phí tăng cường cơ sở vật chất trường học, kinh phí thực hiện nâng trình độ chuẩn đào tạo giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ...

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế

a) Trường Chính trị tỉnh, mức: 46.000.000 đồng/biên chế/năm.

b) Các cơ sở đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: mức 41.000.000 đồng/biên chế/năm.

c) Các trung tâm, cơ sở đào tạo trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh: 37.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và các nhiệm vụ khác

- Kinh phí thực hiện các chính sách miễn giảm học phí; hỗ trợ học bổng, hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật theo các quy định hiện hành (nếu có); kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; kinh phí thực hiện nâng trình độ chuẩn đào tạo giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ....

- Kinh phí thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

1. Chi công tác/hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

Không cấp kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước đối với khoản chi đã kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh. Hằng năm, ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí và khả năng tự bảo đảm chi hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

2. Chi công tác y tế dự phòng, dân số gia đình và các hoạt động y tế khác

2.1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2.2. Định mức chi hoạt động thường xuyên:

- Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh: 41.000.000 đồng/biên chế/năm

- Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh: 37.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng.

- Kinh phí thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 8. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, văn hoá thông tin, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội, khoa học công nghệ; môi trường

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức phân bổ chi thường xuyên theo tiêu chí biên chế

- Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh; Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh: 41.000.000 đồng/biên chế/năm.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh: 37.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Kinh phí thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

b) Đối với lĩnh vực bảo đảm xã hội: Kinh phí thực hiện chế độ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng, mai táng phí cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định hiện hành; kinh phí tặng quà người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, người thờ cúng liệt sĩ, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công nhân dịp Tết Nguyên đán, kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7, ngày Quốc khánh hằng năm; hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ khi đi điều dưỡng tập trung tại các cơ sở điều dưỡng theo quy định.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên theo chỉ tiêu biên chế:

- Biên chế sự nghiệp tại các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh: 41.000.000 đồng/biên chế/năm.

- Biên chế sự nghiệp tại các đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh: 37.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Kinh phí hỗ trợ giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi theo các quy định hiện hành.

b) Kinh phí từ nguồn thu do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nộp ngân sách nhà nước theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ: Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; các phường, xã; Công ty khai thác công trình thủy lợi... để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

c) Kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 10. Định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chi quốc phòng

Căn cứ vào nhiệm vụ đảm bảo an ninh, quốc phòng; nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đặc thù của quốc phòng, an ninh theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách để phân bổ kinh phí chi thường xuyên hàng năm.

Điều 11. Dự phòng ngân sách

Bố trí dự phòng ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 12. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức chi hoạt động thường xuyên

Định mức chi hoạt động thường xuyên quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể phân bổ theo tiêu chí biên chế: 42.000.000 đồng/biên chế/năm.

4. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung để thực hiện các hoạt động, các nhiệm vụ đặc thù và các nhiệm vụ khác

a) Kinh phí bổ sung cho các hoạt động và các nhiệm vụ khác của cấp xã (đã bao gồm kinh phí thực hiện đề án phổ biến, giáo dục pháp luật):

- Phường Hoa Lư: 3 tỷ đồng/phường/năm.
- Các phường Nam Định, Phủ Lý: 2 tỷ đồng/phường/năm.
- Các xã, phường còn lại: 1 tỷ đồng/xã, phường/năm.

b) Kinh phí chi trả phụ cấp hàng tháng, mua thẻ BHYT (4,5%), BHXH đối với người không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố; kinh phí bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở xã, thôn, tổ dân phố theo các quy định hiện hành.

c) Hỗ trợ hoạt động cho các thôn, tổ dân phố (bao gồm kinh phí hoạt động của Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố và các hoạt động khác của thôn, tổ dân phố theo chế độ quy định), cụ thể:

- Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; Thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã: 15.000.000 đồng/thôn, tổ dân phố/năm;
- Thôn, tổ dân phố còn lại: 10.000.000 đồng/thôn, tổ dân phố/năm.

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức chi thường xuyên đảm bảo cho hoạt động giảng dạy, học tập; các khoản chi mua sắm, sửa chữa và chi hoạt động chung ngành giáo dục:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế: 34.000.000 đồng/biên chế/năm.

b) Khối mầm non, tiểu học và khối trung học cơ sở mức 5% tổng chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định hiện hành.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Kinh phí hỗ trợ cho các trung tâm học tập cộng đồng:

- Xã khu vực I (vùng dân tộc thiểu số): 40.000.000 đồng/xã/năm.
- Xã, phường còn lại: 20.000.000 đồng/xã, phường/năm.

b) Kinh phí sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất các cấp học trên địa bàn xã, phường theo Đề án của cấp có thẩm quyền.

c) Kinh phí thực hiện các chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ học bổng, hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật theo các quy định hiện hành (nếu có).

d) Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non trong đó có kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo các quy định hiện hành.

đ) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Trung ương; các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác của tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và các khoản đóng góp.

2. Định mức chi hoạt động thường xuyên: 41.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

- Các phường Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý: 5.000 đồng/người dân/năm.
- Các phường còn lại và các xã: 6.000 đồng/người dân/năm.

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Trung ương; các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác của tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá thông tin

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức chi hoạt động thường xuyên: 34.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

- Các phường Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý: 16.000 đồng/người dân/năm.
- Các phường còn lại và các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm; Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trù, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường, Cỏ Lễ: 14.000 đồng/người dân/năm.
- Các xã còn lại: 10.000 đồng/người dân/năm.

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, bao gồm:

- Kinh phí đảm bảo thực hiện Cuộc vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã: 20.000.000 đồng/xã, phường/năm.
- Kinh phí hỗ trợ Cuộc vận động của Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư: 06 triệu đồng/thôn, xóm, tổ dân phố (cụm văn hóa dân cư)/năm.

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ văn hóa - thông tin: 100.000.000 đồng/xã, phường/năm.

c) Bổ sung kinh phí di tích cấp quốc gia đặc biệt: 300.000.000 đồng/xã, phường/năm.

d) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Trung ương; các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác của tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức chi hoạt động thường xuyên: 34.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

- Các phường Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý: 12.000 đồng/người dân/năm.
- Các phường còn lại và các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm; Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trù, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường, Cổ Lễ: 10.000 đồng/người dân/năm.
- Các xã còn lại: 8.000 đồng/người dân/năm.

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Đảm bảo kinh phí chi trả phụ cấp, kinh phí mua thẻ BHYT, kinh phí trích nộp Bảo hiểm xã hội cho nhân viên phụ trách Đài truyền thanh xã.

b) Chi tăng thời lượng phát sóng, nâng cao chất lượng tin bài truyền thanh và các nhiệm vụ phát thanh truyền thanh khác: 100.000.000 đồng/xã, phường/năm.

c) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Trung ương; các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác của tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 17. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức chi hoạt động thường xuyên: 34.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

- Các phường Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý: 8.000 đồng/người dân/năm.
- Các phường còn lại và các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm; Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trù, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường, Cổ Lễ: 5.000 đồng/người dân/năm.
- Các xã còn lại: 4.500 đồng/người dân/năm.

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Trung ương; các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác của tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 18. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Định mức chi hoạt động thường xuyên: 34.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 14.000 đồng/người dân/năm

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Kinh phí chi trả phụ cấp hàng tháng, bảo hiểm y tế cho nhân viên y tế thôn theo quy định hiện hành.

b) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Trung ương; các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác của tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 19. Định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 24.000 đồng/người dân/năm (kinh phí trên đã bao gồm kinh phí thù lao chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định).

2. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng và BHYT cho đối tượng cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

b) Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng bảo trợ xã hội; trợ cấp hưu trí hàng tháng cho các đối tượng theo các quy định hiện hành.

c) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định hiện hành.

d) Kinh phí tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Kinh phí hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng theo Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Kinh phí hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn theo Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

f) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Trung ương; các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác của tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 20. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

- Các phường Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý: 100.000 đồng/người dân/năm.

- Các phường còn lại và các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm; Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trụ, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường, Cổ Lễ: 80.000 đồng/người dân/năm.

- Các xã còn lại: 60.000 đồng/người dân/năm.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí loại xã

Xã, phường loại 1: 360.000.000 đồng/xã, phường/năm.

Xã, phường loại 2: 300.000.000 đồng/xã, phường/năm.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Phường Hoa Lư: 40 tỷ đồng/phường/năm.

- Phường Nam Định: 30 tỷ đồng/phường/năm.

- Phường Phủ Lý: 20 tỷ đồng/phường/năm.

- Các phường còn lại và các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm; Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trụ, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường, Cổ Lễ: 3 tỷ đồng/xã, phường/năm.

- Các xã còn lại: 2 tỷ đồng/xã, phường/năm.

- Kinh phí hỗ trợ hỏa táng theo quy định hiện hành.

Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường nêu trên đã bao gồm kinh phí thực hiện công tác thu gom, bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã, phường.

Điều 21. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

- Các phường Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý: 900.000.000 đồng/phường/năm.

- Các phường còn lại và các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm; Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trụ, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường, Cổ Lễ: 700.000.000 đồng/xã, phường/năm.

- Các xã còn lại: 500.000.000 đồng/xã, phường/năm.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Kinh phí thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 22. Định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (Đã bao gồm mức bồi dưỡng cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi làm nhiệm vụ)

- Các phường Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý: 14.000 đồng/người dân/năm.

- Các phường còn lại và các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm; Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trụ, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường, Cỏ Lễ: 14.000 đồng/người dân/năm.

- Các xã còn lại: 9.000 đồng/người dân/năm.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí hỗ trợ đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã, phường: 100 triệu đồng/xã, phường/năm. Riêng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, ven biển được hỗ trợ thêm 500 triệu đồng/xã/năm.

- Kinh phí chi trả chế độ, chính sách cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở theo các quy định hiện hành.

- Căn cứ vào nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ con người; nhiệm vụ đặc thù của an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách để phân bổ kinh phí chi thường xuyên hàng năm.

Điều 23. Định mức phân bổ chi quốc phòng

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 15.000 đồng/người dân/năm (đã bao gồm kinh phí hỗ trợ ngày công lực lượng dân quân tự vệ theo quy định)

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn xã, phường: 100 triệu đồng/xã, phường/năm. Riêng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, ven biển được hỗ trợ thêm 500 triệu đồng/xã/năm.

- Kinh phí hỗ trợ diễn tập phòng thủ khu vực cấp xã: 100 triệu đồng/xã, phường.

- Kinh phí chi trả phụ cấp và các chế độ cho các đối tượng theo Luật Dân quân tự vệ.

- Căn cứ vào nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng; nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ con người; nhiệm vụ đặc thù của quốc phòng theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách để phân bổ kinh phí chi thường xuyên hàng năm.

Điều 24. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế

1. Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ:

Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành về tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và các khoản đóng góp.

2. Định mức chi hoạt động thường xuyên: 34.000.000 đồng/biên chế/năm.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

- Các phường Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý: 70.000 đồng/người dân/năm.

- Các phường còn lại và các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm; Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trụ, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường, Cổ Lễ: 60.000 đồng/người dân/năm.

- Các xã còn lại: 50.000 đồng/người dân/năm.

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Phường Hoa Lư: 20 tỷ đồng/phường/năm.

- Phường Nam Định: 15 tỷ đồng/phường/năm.

- Phường Phủ Lý: 10 tỷ đồng/phường/năm.

- Các phường còn lại và các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm; Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trụ, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường, Cổ Lễ: 5 tỷ đồng/xã, phường/năm.

- Các xã còn lại: 2 tỷ đồng/xã, phường/năm.

- Kinh phí hỗ trợ giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi theo quy định hiện hành.

- Kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành.

- Kinh phí chi trả chế độ hàng tháng cho đối tượng nhân viên thú y, nhân viên khuyến nông, nhân viên bảo vệ thực vật và các đối tượng khác theo các quy định hiện hành (nếu có).

- Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Trung ương; các Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các nhiệm vụ khác của tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế nêu trên đã bao gồm hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông và hoạt động giao thông khác do cấp xã quản lý thực hiện; hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn do cấp xã quản lý thực hiện; hoạt động quản lý sử dụng, khai thác đất đai; tài nguyên; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; biển và hải đảo; hoạt động quản lý tài nguyên khác do cấp xã quản lý thực hiện; duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, tiền điện thấp sáng trên đường phố, cây xanh và các hoạt động kiến thiết thị chính khác do cấp xã quản lý; Các hoạt động kinh tế khác thuộc cấp xã quản lý.

Điều 25. Định mức phân bổ dự phòng ngân sách

Bố trí dự phòng ngân sách cấp xã đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 26. Định mức phân bổ chi khác ngân sách

Phân bổ theo tỷ lệ bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách xã, phường tại Quy định này.